

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

QUY TRÌNH
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
SINH VIÊN

Mã số quy trình: QT.CTSV.13
Lần ban hành: 02
Ngày ban hành:
Số trang: 8

	SOẠN THẢO	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT
Chức vụ/ Chức danh	CHUYÊN VIÊN	TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN	HIỆU TRƯỞNG
Chữ ký			
Họ và tên	CN. Phạm Quốc Trọng	TS. Nguyễn Thị Kim Loan	PGS.TS Ngô Thị Phương Lan

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI QUY TRÌNH

STT	Ngày sửa đổi	Nội dung thay đổi	Trang	Mục	Phê duyệt	Ngày hiệu lực
1	15/3/2021	3. Tài liệu viện dẫn: Bổ sung Quyết định số 1562/QĐ-XHNV-CTSV, ngày 20/11/2019	3	3		
2	15/3/2021	6. Danh mục biểu mẫu: BM02-QT.CTSV-13, cập nhật theo QĐ 1562	8	7		

 CTSV	QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN	Mã số: QT.CTSV.13
		Lần ban hành: 02
		Ngày ban hành:
		Trang: 8

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này quy định về trách nhiệm và cách thức tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên theo các quy định hiện hành, giúp cho các cán bộ viên chức thực hiện đúng chức năng của Phòng Công tác sinh viên.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với công tác đánh giá rèn luyện của sinh viên làm cơ sở để xét học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ và các chứng nhận khác của sinh viên trong năm học.

Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên là bộ phận có liên kết chặt chẽ với quy trình xét Học bổng Khuyến khích học tập, học bổng tài trợ của sinh viên.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Thông tư 16/2015/TT-BGDĐT, ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.

- Quyết định 964/QĐ-ĐHQG, ngày 19/7/2019 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định 1562/QĐ-XHNV-CTSV, ngày 20/11/2019 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM.

4. ĐỊNH NGHĨA/ THUẬT NGỮ/ CHỮ VIẾT TẮT

- Phòng CTSV: Phòng Công tác sinh viên;
- SV: Sinh viên;
- ĐRL: Điểm rèn luyện.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1 Lưu đồ quy trình

Bước	Trách nhiệm	Tiến trình	Tài liệu /Biểu mẫu
1	Phòng CTSV; Khoa/bộ môn	<pre> graph TD A([Chuyển danh sách ĐRL về các]) -.-> B[In danh sách ĐRL] </pre>	- BM01- QT.CTSV.13
2	Sinh viên; Khoa/bộ môn.	<pre> graph TD C[SV tự đánh giá] --> D[Đánh giá cấp tập thể lớp SV] </pre>	- BM02- QT.CTSV.13
3	Khoa/bộ môn	<pre> graph TD E[Đánh giá cấp Khoa/ Bộ môn] --> F[Tiếp nhận và xử lý khiếu nại (nếu có)] </pre>	
4	Phòng CTSV	<pre> graph TD G([Nhập điểm, phân loại và lưu trữ]) </pre>	

5.2 Diễn giải quy trình

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị / Cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thực hiện	Hồ sơ liên quan
Bước 1	Phòng CTSV tiến hành in bảng điểm rèn luyện để các Khoa/ Bộ môn nhập điểm	Phòng CTSV; Khoa/bộ môn.	HK1: 01/12 – 10/12 HK2: 01/5 – 10/5	-BM01- QT.CTSV.13
Bước 2	SV căn cứ vào kết quả tham gia các hoạt động rèn luyện của bản và tiến hành tự đánh giá và nộp kèm theo các minh chứng cho Ban cán sự lớp. Ban cán sự lớp tiến hành xem xét các minh chứng hoạt động rèn luyện và đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên, cập nhật điểm vào Bảng điểm rèn luyện tổng hợp và trình cho giáo viên chủ nhiệm (GVCN) GVCN/cố vấn học tập tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả	Sinh viên; Khoa/bộ môn.	HK1: 01/12-30-12 HK2: 01/5-30/5	- BM02- QT.CTSV.13
Bước 3	Hội đồng đánh giá cấp khoa/bộ môn căn cứ vào bảng đánh giá rèn luyện của SV và các minh chứng, tiến hành kiểm tra, đánh giá, thông qua và công bố kết quả rèn luyện cho SV phản hồi. Tiếp nhận và xử lý các khiếu nại của SV (nếu có)	Khoa/bộ môn	HK1: 10/01 – 05/02; HK2: 01/8 – 20/08	
Bước 4	Phòng CTSV tiến hành nhập ĐRL được gửi từ các Khoa/ Bộ môn, phân loại kết quả và lưu trữ vào hồ sơ quản lý sinh viên	Khoa/bộ môn; Phòng CTSV	HK1: 15/02-28/2 HK2: 21/8-15/9	

5.3. Quy định trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy trình

5.3.1. Phòng Công tác sinh viên:

- In bảng tổng hợp kết quả rèn luyện sinh viên gửi các khoa/bộ môn theo thời gian quy định;

- Nhập kết quả rèn luyện sinh viên đã được hội đồng đánh giá cấp khoa/bộ môn công nhận vào phần mềm quản lý sinh viên, tiến hành phân loại và lưu trữ kết quả vào hồ sơ quản lý sinh viên.

5.3.2. Khoa/bộ môn:

- Tiến hành thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện trong sinh viên;

- Tổng hợp kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên, căn cứ vào bảng đánh giá rèn luyện của SV và các minh chứng, tiến hành kiểm tra, đánh giá, thông qua kết quả rèn luyện;

- Công bố kết quả rèn luyện cho SV phản hồi.

- Tiếp nhận và xử lý phản hồi, khiếu nại của sinh viên, gửi kết quả rèn luyện sau khi giải quyết khiếu nại về phòng Công tác sinh viên theo thời gian quy định.

6. DANH MỤC BIỂU MẪU

STT	Tên Tài liệu/Biểu mẫu/ hướng dẫn	Mã hóa
1	Mẫu bảng tổng hợp kết quả rèn luyện sinh viên	BM01- QT.CTSV.13
2	Bảng đánh giá rèn luyện sinh viên	BM02- QT.CTSV.13

7. HỒ SƠ LƯU TRỮ

STT	Tên văn bản	Thời gian lưu trữ	Bộ phận chịu trách nhiệm lưu trữ
1	Kết quả rèn luyện sinh viên	5 năm	- Phòng Công tác sinh viên.

8. PHỤ LỤC KHÁC (Nếu có)

BM01- QT.CTSV.13

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K
1	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm cá nhân	Điểm khoa	Điểm cuối	Xếp loại	Năm học	Mã học kỳ
2	1356010139	Hồ Thị	Trình	19/01/1995	14601					2017-2018	HK02
3	1357010155	Trần Hồng	Ngọc	10/01/1995	14601					2017-2018	HK02
4	1456010001	Võ Nhật	An	12/01/1996	14601					2017-2018	HK02
5	1456010002	Nguyễn Chân Ngọc	Anh	03/03/1996	14601					2017-2018	HK02
6	1456010003	Nguyễn Kiều	Anh	07/09/1996	14601					2017-2018	HK02
7	1456010004	Nguyễn Kiều	Anh	15/09/1996	14601					2017-2018	HK02
8	1456010005	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	25/09/1996	14601					2017-2018	HK02
9	1456010006	Nguyễn Hà Thiên	Bảo	02/05/1996	14601					2017-2018	HK02
10	1456010008	Nguyễn Ngọc	Bích	06/08/1996	14601					2017-2018	HK02
11	1456010009	Nguyễn Thị	Chúc	17/02/1996	14601					2017-2018	HK02
12	1456010010	Phạm Hiền	Công	10/01/1996	14601					2017-2018	HK02
13	1456010011	Lê Văn	Cường	23/01/1996	14601					2017-2018	HK02
14	1456010012	Trần Thị	Diễm	14/11/1996	14601					2017-2018	HK02
15	1456010014	Trần Thị Ngọc	Diệp	07/05/1996	14601					2017-2018	HK02
16	1456010015	Ngô Thị Lan	Du	10/07/1996	14601					2017-2018	HK02
17	1456010016	Đồng Thị Hoàng	Dung	06/11/1996	14601					2017-2018	HK02
18	1456010017	Lê Thị Phương	Dung	28/11/1996	14601					2017-2018	HK02
19	1456010019	Võ Mỹ	Dung	03/02/1996	14601					2017-2018	HK02
20	1456010020	Huỳnh Khánh	Duy	20/12/1996	14601					2017-2018	HK02
21	1456010021	Nguyễn Tuyết	Duy	20/09/1996	14601					2017-2018	HK02
22	1456010022	Trần Thị Thùy	Dương	12/03/1996	14601					2017-2018	HK02
23	1456010023	Lê Nguyễn Mộng	Điệp	01/01/1996	14601					2017-2018	HK02
24	1456010024	Nguyễn An	Định	12/03/1996	14601					2017-2018	HK02
25	1456010026	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	15/12/1996	14601					2017-2018	HK02
26	1456010027	Trần Thị Thu	Hà	24/07/1992	14601					2017-2018	HK02
27	1456010028	Nguyễn Thị Minh	Hải	27/07/1996	14601					2017-2018	HK02

BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

NỘI DUNG VÀ MỨC ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM	SV	LỚP	KHOA
1. Đánh giá về ý thức học tập	Tối đa 30			
1.1 Kết quả học tập (sinh viên không chấm điểm mục này)	10			
1.2 Nghiên cứu khoa học	10			
- Có tham gia, hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học (từ cấp khoa/bộ môn trở lên).	4			
- Có đề tài tham gia NCKH các cấp (cấp Trường +3đ; cấp Tỉnh/Thành trở lên: +6đ).	3 / 6			
- Sinh viên là tác giả của bài báo khoa học trong kỷ yếu hội nghị khoa học (có phân biện), tạp chí khoa học trong và ngoài nước.	10			
1.3 Hoạt động học thuật ngoại khóa	10			
- Tham gia các CLB học thuật, các cuộc thi học thuật (tùy theo mức độ tham gia, các CLB đánh giá mức điểm từ 2 đến 4).	2 - 4			
- Tham dự các chương trình tọa đàm, hội thảo khoa học... được tổ chức chính thức trong và ngoài trường (01 hoạt động: 2đ; từ 02 hoạt động trở lên: 4đ).	2 / 4			
- Đảm bảo thời gian lên lớp trên 80%, tham gia và hoàn thành các bài tập nhóm.	2			
2. Đánh giá ý thức chấp hành nội quy, quy chế sinh viên	Tối đa 20			
- Tuân thủ các nội quy, quy chế và các quy định được áp dụng trong Nhà trường; giữ gìn vệ sinh và bảo vệ tài sản chung, tuân thủ nội quy Ký túc xá, nơi cư trú,... (vi phạm: -10đ).	5 / (-10)			
- Tham gia các buổi sinh hoạt công dân sinh viên đầu năm, đầu khóa, cuối khóa: (có tham dự và nộp bài thu hoạch: 10đ; Không tham dự: -20đ).	10 / (-20)			
- Tham gia Bảo hiểm Y tế theo quy định (không tham gia: -10đ).	5 / (-10)			
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt lớp, có tinh thần đấu tranh phê bình đối với các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế. (có tham gia: +3đ; tham gia đầy đủ: +5đ; tham gia tích cực và có tinh thần đấu tranh: +10đ).	3 / 5 / 10			
3. Đánh giá về ý thức và việc tham gia các hoạt động rèn luyện chính trị-xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao và phòng chống các tệ nạn xã hội	Tối đa 25			
- Tham gia các hoạt động giáo dục chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao do Nhà trường, khoa/bộ môn, Ký túc xá, Đoàn TN - Hội SV (từ cấp khoa/bộ môn trở lên) tổ chức (01 hoạt động: 5đ; từ 02 hoạt động trở lên: 10đ).	5 / 10			
- Được chứng nhận danh hiệu Thanh niên khỏe.	5			
- Tham gia các hoạt động tình nguyện có quy mô lớn hoặc các lần huy động lực lượng (từ cấp khoa/bộ môn trở lên): +5đ/lần (tối đa 2 lần/ học kỳ).	5 / 10			
- Tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền không vi phạm pháp luật và các quy định về phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội chính thức trong và ngoài trường: +5đ (nếu được khen thưởng cho hoạt động này thì được cộng thêm 5đ).	5 / 10			
4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	Tối đa 25			
- Chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (không vi phạm luật giao thông, thực hiện đăng ký tạm trú tại địa phương...).	5			
- Tham gia hiến máu nhân đạo: +5đ/lần.	5			
- Có tinh thần chia sẻ, động viên, hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn cần được giúp đỡ.	5			
- Tham gia các CLB công tác xã hội, tình nguyện vì cộng đồng (cộng tác viên BTC: +2đ; Thành viên BTC hoàn thành tốt nhiệm vụ: +5đ).	2 / 5			
- Tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng do Đoàn TN, Hội SV từ cấp khoa/bộ môn trở lên tổ chức: +4đ/lần; tối đa 2 lần/học kỳ (nếu được khen thưởng cho hoạt động này thì được cộng thêm 4đ).	4 / 8			
5. Các nội dung cộng thêm	Tối đa 10			
- Sinh viên được khen thưởng các cấp: Được cấp trung ương, tỉnh/thành phố hoặc ĐHQG-HCM khen thưởng: +10đ; Giấy khen của Hiệu trưởng: +5đ.	10 / 5			
- Sinh viên xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng mang hình ảnh tốt cho trường.	5			
- Sinh viên có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; khuyết tật có khó khăn về kinh tế; mồ côi cả cha lẫn mẹ có nghị lực phấn đấu vươn lên trong học tập.	5			
- Đạt thành tích cao trong các cuộc thi được tổ chức chính thức mang tính quốc tế.	10			
- Căn cứ vào kết quả xếp loại Đoàn viên sau khi đã xếp loại tiêu chuẩn Đoàn viên của chi Đoàn (Xuất sắc: +5đ; Khá: +3; Trung bình: +1đ; Yếu: -5đ).	5			
ĐIỂM RÈN LUYỆN TỔNG CỘNG (Từ nội dung 1.2 đến 5): (Lưu ý: Tổng điểm đánh giá là điểm chẵn, không quá 90 điểm)				

Điểm rèn luyện tổng cộng:

Bảng chữ:

BAN ĐẠI DIỆN LỚP

SV ký tên

PHIẾU BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Năm học : Học kỳ :

Họ và tên : Mã số SV :

Nơi tạm trú (nếu có thay đổi):

ĐT:

ST T	Các hoạt động tham gia	Thời gian	BAN TỔ CHỨC Nhận xét
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

SINH VIÊN
(ký và ghi rõ họ tên)

